TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/DS-PT
Ngày: 26/4/2023
"V/v tranh chấp thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân

Các Thẩm phán: Ông Trần Hưng Bính và ông Trần Ngọc Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thuận, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: bà Vũ Thị Liên Hoa, Kiểm sát viên.

Vào ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2022/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp thừa kế tài sản"; do Bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2022/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 31/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà Hồ Thị Kim C, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 73 đường N, phường Đ, thành phố H tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt

2. Bị đơn: Ông Hồ Nam Đ, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 92 đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Hồ Hữu H, sinh năm 1947; địa chỉ: Số 14/44 đường T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt

3.2. Bà Hồ Thị Hồng T, sinh năm 1951; địa chỉ: Số 385 đường K, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Thị Hồng T: ông Hồ Nam Đ (Văn

bản ủy quyền ngày 19/10/2018); có mặt

3.3. Ông Hồ Nam N, sinh năm 1956; địa chỉ: Số 48 đường D, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt

3.4. Bà Hồ Thị Hồng L, sinh năm 1958; địa chỉ: Số 34 đường Đ, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: ông Hồ Hữu H (văn bản ủy quyền ngày 07/4/2022); có mặt.

3.5. Bà Hồ Thị Thanh T; sinh năm: 1953; địa chỉ: 34 đường Đ, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

3.6. Bà Hồ Thị T (tức Hồ Thị Hồng T), sinh năm 1949 (đã chết) theo đăng ký khai tử số 134 tại UBND phường B, thành phố L, tỉnh An Giang cấp ngày 09/12/2019);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Hồ Thị T, gồm:

- Ông Nguyễn Hoàng P1, sinh năm 1937; vắng mặt.
- Ông Nguyễn Hoàng P2, sinh năm 1971; vắng mặt.
- Ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1975; vắng mặt.
- Bà Nguyễn Hoàng Y, sinh năm 1977; vắng mặt.

Cùng địa chỉ:, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: Nhà A2, khu Đ, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang;

Người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà Nguyễn Hoàng P1, Nguyễn Hoàng P2, Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Hoàng Y: bà Hồ Thị Kim C tham gia tố tụng (Theo Văn bản ủy quyền ngày 29/01/2021); có mặt.

3.7. Bà Đặng Thị Thu H, sinh năm 1966; có mặt

3.8. Ông Hồ Nam V, sinh năm 1989; vắng mặt.

3.9. Ông Hồ Nam T, sinh năm 1994; vắng mặt.

3.10. Bà Trần Thị Diễm T, sinh năm 1990; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 92 đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, ông V, bà T: bà Đặng Thị Thu H (Văn bản ủy quyền ngày 31/3/2022); có mặt.

3.11. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1924 (đã chết trong quá trình giải quyết vụ án ngày 01/12/2019 theo đăng ký khai tử số 85 ngày 02/12/2019 tại UBND phường T, thành phố H);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị N, gồm:

- Ông Hồ Hữu H.

- Bà Hồ Thị Thanh T.

- Ông Hồ Nam Đ.

- Ông Hồ Nam N.

- Bà Hồ Thị Hồng T.

- Bà Hồ Thị Kim C.

- Bà Hồ Thị Hồng L.

Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Ngọc T, ông Vương Hưng T; cùng địa chỉ: Số 78 đường Y, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; đều vắng mặt.

- Người có kháng cáo: Bà Hồ Thị Kim C - Nguyên đơn.

- Ông Võ Văn H; địa chỉ: Số 1 đường D, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

- Người có kháng cáo: Bà Hồ Thị Kim C - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn là bà Hồ Thị Kim C trình bày:

Cha mẹ của bà là cụ Hồ Ngọc B và cụ Nguyễn Thị N. Cụ Hồ Ngọc B sinh năm 1925, chết ngày 12/11/2006; cụ Nguyễn Thị N sinh năm 1924, chết ngày 01/12/2019. Nguyên trước đây trong quá trình chung sống, cụ B và cụ N có tạo lập khối tài sản chung là 1 căn nhà 2 tầng xây trên thửa đất có số hiệu 00018 QSDĐ/3671-2002-01-074, số tờ bản đồ 11, số thửa 21, diện tích 102m^2 tại 27 đường T, phường T, thành phố H (nay là 92 đường T, phường T, thành phố H), đất này mua của ông Lê Văn T – bà Hoàng Thị L theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác nhận ngày 20/12/2002, nộp lệ phí trước bạ và thuế ngày 10/01/2003, đã được Ủy ban nhân dân thành phố H xác nhận chuyển quyền sử dụng vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00018 QSDĐ/3671-2002-01-074 ngày 11/02/2003 đứng tên Hồ Ngọc B và Nguyễn Thị N. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích đất là 102m2, nhưng thực tế ông T và bà L chỉ bán cho cụ B và cụ N 80m2 (chiều dài 14m và chiều rộng là 5,8m) theo đúng như hiện trạng thực tế đo vẽ, vì đất này thuộc phường nội thành thành phố H nên theo quy định của tỉnh Thừa Thiên Huế thì diện tích đất mua bán không đủ để điều chỉnh lại Giấy chứng nhận. Sau khi cụ B chết thì cụ N ở tại nhà đất này cùng gia đình vợ chồng ông Hồ Nam Đ. Sau khi cụ N chết thì nhà và đất này do vợ chồng ông Hồ Nam Đ quản lý, sử dụng.

Năm 2006 khi cụ B chết, bà có nghe các thành viên trong gia đình nói cụ B có để lại di chúc nhưng bà không tận mắt nhìn thấy. Từ giữa năm 2018 thì bà đưa cụ N về sống cùng gia đình của bà do vợ chồng ông Đ đối xử không tốt với cụ N,

thì cụ N có giao cho bà một cái túi xách trong đó có tờ di chúc đã có chữ ký của cả cụ B và cụ N, ngoài ra trong túi xách có 1 sổ lưu ký của cụ B mà khi đọc thì bà mới biết cha mẹ mình đã lập di chúc về căn nhà 92 đường T, trong đó ghi di chúc có lưu 01 bản tại Ủy ban nhân dân phường T và 01 bản lưu trong tủ của gia đình, nội dung di chúc ghi rõ sau khi cha mẹ qua đời, nếu căn nhà này không bán được thì để lại cho vợ chồng Đ-H ở, thờ cúng ông bà tổ tiên chứ không được bán. Nhưng theo bà biết thì di chúc này đã bị thất lạc. Cụ Hồ Ngọc B và Nguyễn Thị N có 08 người con, là: Hồ Hữu H; Hồ Thị T (tức Hồ Thị Hồng T); Hồ Thị Hồng T; Hồ Thị Thanh T; Hồ Nam N; Hồ Thị Hồng L; Hồ Nam Đ; Hồ Thị Kim C.

Cha mẹ của cụ B là cụ Hồ D và cụ Nguyễn Thị L, đều đã chết; cha mẹ của cụ N là cụ Nguyễn V và cụ Phạm Thị T, đều đã chết.

Tại đơn khởi kiện ngày 05/4/2018 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/4/2018, bà yêu cầu phân chia di sản của cụ B để lại là ½ giá trị nhà và đất tại số 92 đường T, thành phố H cho thừa kế thứ nhất của cụ B theo quy định của pháp luật, bà đề nghị được nhận kỷ phần của mình bằng giá trị. Còn đối với ½ giá trị tài sản còn lại là của cụ Nguyễn Thị N, thì do cụ N toàn quyền quyết định.

Ngày 01/12/2019, cụ Nguyễn Thị N chết.

Ngày 10/03/2021, bà có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ N để lại là ½ giá trị nhà, đất và kỷ phần mà cụ N được hưởng từ cụ B tại số 92 đường T, thành phố H theo di chúc mà cụ N để lại. Kèm theo đơn khởi kiện bà xuất trình bản gốc di chúc đánh máy, lập ngày 09/6/2018 do cụ N ký tên và điểm chỉ, có 03 người làm chứng ký tên, nội dung di chúc cụ N để lại toàn bộ di sản của cụ cho bà được hưởng.

Bà không đồng ý đối với phần sửa chữa nhà di sản của ông Đ bởi đây là nhà chung của cha mẹ nhưng khi sửa chữa ông Đ không thông báo.

Nguyên đơn đề nghị được nhận phần di sản được hưởng bằng hiện vật.

Đồng nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh T tại đơn khởi kiện ngày 05/4/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/4/2018, các lời khai trong quá trình tố tụng, trình bày: Thống nhất với trình bày của nguyên đơn Hồ Thị Kim C về quan hệ huyết thống gia đình, thời gian chết của cụ B và cụ N, di sản và nguồn gốc di sản đang tranh chấp. Bà yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ B để lại là ½ giá trị nhà và đất tại số 92 đường T, thành phố H thành 09 kỷ phần theo quy định của pháp luật, bà đề nghị nhận kỷ phần của mình bằng giá trị.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà trình bày: Bà rút yêu cầu khởi kiện tại đơn ngày 05/4/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/4/2018. Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 10/03/2020 của bà Hồ Thị Kim C về việc chia di sản cụ N theo di chúc thì bà không chấp nhận, bà có ý kiến di sản cụ B và cụ N để lại là nhà và đất tại số 92 đường T, thành phố H thì để làm nhà thờ theo di nguyện của cụ B, bởi khi cụ B chết thì bà C biết cụ B có để lại di chúc, chính bà C là người đọc di chúc này, nội dung di chúc để lại nhà đất đang tranh chấp cho vợ chồng ông Đ-bà H ở,

thờ cúng tổ tiên; đối với di chúc cụ N thì bà không công nhận bởi tại thời điểm đó tất cả các con cụ N đều không biết gì về việc cụ N lập di chúc trừ bà C, người làm chứng trong di chúc có người là bạn của bà C. Nếu nhận kỷ phần thừa kế của cha mẹ thì bà đề nghị được nhận bằng giá trị.

Bị đơn là ông Hồ Nam Đ trình bày: Thống nhất với trình bày của nguyên đơn Hồ Thị Kim C về quan hệ huyết thống gia đình, thời gian chết của cụ B và cụ N, di sản và nguồn gốc di sản đang tranh chấp.

Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bởi các lý do sau:

Từ khi cụ B chết năm 2006, ông về đây sống cùng cụ N trên nhà đất này, chăm sóc cụ N cho đến nay. Trước đây trong quá trình chung sống, cha mẹ của ông tạo lập được nhiều tài sản tại nhiều nơi, khi các anh chị có chồng có vợ ở chỗ khác đều được cha mẹ cho nhà cửa riêng mỗi người. Riêng ngôi nhà tại 92 đường T, phường T, thành phố H đang tranh chấp thì trước khi cụ Bích chết, vào ngày 24/3/2006 cụ B và cụ N đã tiến hành lập di chúc để định đoạt nhà đất này, theo di chúc thì nhà và đất này để làm nhà thờ chi tộc họ Hồ, thờ cúng tổ tiên ông bà cha mẹ, không được bán và giao cho vợ chồng ông quản lý sử dụng, di chúc này đã được chứng thực tại Ủy ban nhân dân phường T và ông đã nộp bản sao di chúc này cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Sau khi cụ B chết thì gia đình của ông về đây ở cùng cụ N, trong thời gian này do nhà bị hư hỏng, xuống cấp, dột nước không đảm bảo an toàn nên vào năm 2014, ông có sửa chữa trần nhà, làm lại toàn bộ hệ thống điện nước, ốp gạch men vào tường với giá trị sửa chữa khoảng 150 triệu đồng, đến năm 2020 ông cũng bỏ chi phí ra sửa chữa các hạng mục khác khoảng 650 triệu đồng. Hiện tại các nhân khẩu sinh sống tại đây gồm: ông, bà H vợ của ông, các con của ông là Hồ Nam V, Hồ Nam T, con dâu là Mai Thị Diễm T. Nay nguyên đơn khởi kiện thì ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà đề nghị xem xét chia di sản theo di chúc mà cụ B và cụ N đã lập ngày 24/3/2006 bởi di chúc này là hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ Hữu H trình bày: Thống nhất với trình bày của nguyên đơn Hồ Thị Kim C về quan hệ huyết thống gia đình, thời gian chết của cụ B và cụ N, di sản và nguồn gốc di sản đang tranh chấp. Trước khi cụ B chết có để lại di chúc lập năm 2006 nhưng ông là con trai trưởng mà không biết nội dung di chúc cụ thể như thế nào. Nay nguyên đơn Hồ Thị Kim C khởi kiện thì ông nhất trí. Nếu được chia di sản của cha mẹ thì ông đề nghị được nhận kỷ phần thừa kế của mình bằng giá trị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ Thị Hồng T, ủy quyền cho ông Hồ Nam Đ tham gia tố tụng, trình bày: Thống nhất với trình bày của nguyên đơn Hồ Thị Kim C về quan hệ huyết thống gia đình, thời gian chết của cụ B và cụ N, di sản và nguồn gốc di sản đang tranh chấp. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì trước khi cụ B chết, vào năm 2006 cụ B và cụ N có lập di chúc với nội dung như sau: ½ nhà đất đang tranh chấp chia cho ông Hồ Nam Đ được quyền sống và quản lý; ½ nhà đất còn lại thuộc quyền quản lý của bà N và 7 anh chị em còn lại với mục đích để làm nhà thờ, không được bán mà

để thờ cúng ông bà tổ tiên. Khi lập di chúc ông B có chứng thực tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, nội dung di chúc để lại nhà và đất mà hiện đang tranh chấp cho con trai út là Hồ Nam Đ và con dâu Đặng Thị Thu H quản lý, sử dụng. Nay bà không đồng ý theo đơn khởi kiện của nguyên đơn mà di sản trên đề nghị xem xét theo di chúc mà cụ B và cụ N đã lập năm 2006, giao toàn bộ nhà đất đang tranh chấp cho bị đơn Hồ Nam Đ quản lý để làm nhà thờ. Nếu bà được chia di sản của cha mẹ thì bà không nhận mà xin nhường kỷ phần của mình cho ông Hồ Nam Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ Thị T khi còn sống đã ủy quyền cho ông Hồ Nam Đ tham gia tố tụng, bà và đại diện hợp pháp cùng trình bày: Thống nhất với trình bày của nguyên đơn Hồ Thị Kim C về quan hệ huyết thống gia đình, thời gian chết của cụ B và cụ N, di sản và nguồn gốc di sản đang tranh chấp. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trước khi cụ B chết vào năm 2006, cụ B và cụ N có lập di chúc với nội dung như sau: ½ nhà đất đang tranh chấp chia cho ông Hồ Nam Đ được quyền sống và quản lý; ½ nhà đất còn lại thuộc quyền quản lý của bà N và 7 anh chị em còn lại với mục đích để làm nhà thờ, không được bán mà để thờ cúng ông bà tổ tiên. Khi lập di chúc cụ Bích có chứng thực tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, nội dung di chúc để lại nhà và đất mà hiện đang tranh chấp cho con trai út là Hồ Nam Đ và con dâu Đặng Thị Thu H quản lý, sử dụng. Nay nguyên đơn khởi kiện thì bà không đồng ý theo đơn khởi kiện của nguyên đơn mà di sản trên đề nghị xem xét theo di chúc mà cụ B và cụ N đã lập năm 2006, giao toàn bộ nhà đất đang tranh chấp cho bị đơn Hồ Nam Đ quản lý để làm nhà thờ. Nếu bà được hưởng kỷ phần từ di sản của cha mẹ thì bà không nhận mà xin nhường lại cho ông Hồ Nam Đ.

Năm 2019 bà T chết trong quá trình tố tụng. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T là ông Nguyễn Hoàng P1 (chồng) và các con là Nguyễn Hoàng P2, Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Hoàng Y cùng ủy quyền cho bà Hồ Thị Kim C tham gia tố tụng, trình bày: Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hồ Thị Kim C, yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế là nhà và đất của cụ B để lại theo pháp luật; đồng ý với bản di chúc cụ Nguyễn Thị N đã lập năm 2018, giao toàn bộ nhà đất nêu trên cho bà Hồ Thị Kim C được hưởng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Hồ Thị Hồng L trình bày: Thống nhất với trình bày của nguyên đơn Hồ Thị Kim C về quan hệ huyết thống gia đình, thời gian chết của cụ B và cụ N, di sản và nguồn gốc di sản đang tranh chấp. Về di chúc của cụ B và cụ N trước đây thì bà chỉ nghe các anh chị em nói chứ bà hoàn toàn không biết. Nay nguyên đơn khởi kiện thì bà thống nhất theo yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế, bà đề nghị nhận phần di sản bằng giá trị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Hồ Nam N trình bày: Thống nhất với trình bày của nguyên đơn Hồ Thị Kim C về quan hệ huyết thống gia đình, thời gian chết của cụ B và cụ N, di sản và nguồn gốc di sản đang tranh chấp. Cụ B chết ngày 12/11/2006, trước khi chết cụ B không phải thực hiện nghĩa vụ

dân sự với bên thứ ba nào khác và đã lập di chúc để tài sản lại nhằm phòng sự cố tuổi già, di chúc này được chứng thực tại UBND phường T, thành phố H vào ngày 28/3/2006, nội dung di chúc là cụ B và cụ N để lại căn nhà 92 đường T, thành phố H cho vợ chồng người con trai thứ 7, tức là ông Hồ Nam Đ và vợ là Đặng Thị Thu H, để ở và thờ cúng tổ tiên, không được bán. Sau khi cụ B chết thì chính ông đã đọc bản gốc di chúc này. Nay phía nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ thì ông không đồng ý, ông đề nghị thực hiện theo nguyện vọng trong di chúc của cụ B. Phần di sản của cụ N thì do cụ N quyết định. Trường hợp ông được chia di sản của cha mẹ để lại thì ông không nhận mà tình nguyện giao lại kỷ phần của mình cho ông Hồ Nam Đ theo đúng nguyện vọng của cụ B. Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà C về việc chia di sản của cụ N theo di chúc cụ N lập năm 2018 thì ông không chấp nhận, đề nghị Tòa xem xét lại di chúc và giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - cụ Nguyễn Thị N trước khi chết trong quá trình tố tụng, trình bày tại bản khai ngày 08/8/2018 và 30/10/2018: Vợ chồng cụ có tạo lập chung khối tài sản là nhà và đất tại 92 đường T, phường T, thành phố H số thẻ 787188 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 11/02/2003 tại số thửa 21, tờ bản đồ số 11, diện tích xây dựng nhà 65m2. Sau khi chồng cụ chết thì cụ được hưởng một phần trong khối di sản của chồng. Cụ đề nghị chia di sản của cụ B để lại bằng giá trị và giao cho con gái là Hồ Thị Kim C được toàn quyền định đoạt và không có ý kiến gì;

Ngày 15/6/2018, cụ N có văn bản ủy quyền cho bà Hồ Thị Kim C tham gia tố tụng, người được ủy quyền thống nhất như ý kiến cụ N đã trình bày;

Ngày 20/6/2019, cụ N có văn bản hủy bỏ việc ủy quyền cho bà C, chuyển sang cụ N ủy quyền cho ông Hồ Nam Đ và bà Đặng Thị Thu H tham gia tố tụng được chứng thực bởi UBND phường T, thành phố H. Ngày 02/7/2019 UBND phường T, thành phố H có văn bản gửi Tòa án hủy bỏ văn bản chứng thực ủy quyền ngày 20/6/2019 của cụ N;

Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 233/2019/QĐST-VDS ngày 09/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H tuyên bố cụ N bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, thì người giám hộ của cụ N là ông Hồ Hữu H;

Ngày 01/12/2019 cụ N chết, do cụ N chết trong quá trình giải quyết vụ án nên quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ N được kế thừa cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ N là ông Hồ Hữu H, bà Hồ Thị Hồng T, bà Hồ Thị Thanh T, ông Hồ Nam N, bà Hồ Thị Hồng L, ông Hồ Nam Đ và bà Hồ Thị Kim C.

Tất cả những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ N đều giữ nguyên ý kiến mà mình đã trình bày như trên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Đặng Thị Thu H, ông Hồ Nam V, Hồ Nam T, Trần Thị Diễm T (ông V, ông T, bà T cùng ủy quyền cho bà H tham gia tố tụng), trong quá trình tố tụng trình bày: Thống nhất với ý kiến của

nguyên đơn Hồ Thị Kim C về quan hệ huyết thống gia đình, thời gian chết của cụ B và cụ N, di sản và nguồn gốc di sản đang tranh chấp. Không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và thống nhất như ý kiến trình bày của ông Hồ Nam Đ.

Người làm chứng Nguyễn Ngọc T, Vương Hưng T, Võ Văn H đều có ý kiến trình bày: Cả 03 người làm chứng đều cam đoan lời khai tại Tòa án là hoàn toàn đúng sự thật. Tại thời điểm làm người làm chứng trong di chúc của cụ Nguyễn Thị N ngày 09/6/2018 thì cụ N hoàn toàn sáng suốt, minh mẫn, tự nguyện và không bị ai ép buộc, cụ N được nghe đọc toàn bộ nội dung di chúc và ký tên, lăn tay trước mặt cả 03 người làm chứng.

Tại Bản án số 34/2022/DS-ST ngày 24/8/2022, Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 259 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 631, 633, 634, 636, 646, 648, 649, 650, 652, 657, 663, 667, 668 Bộ luật dân sự 2005; Điều 609, 611, 624, 625, 627, 628, 630, 631, 632, 634, 643, 658 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 100, Điều 167 Luật đất đai năm 2013; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hồ Thị Kim C;

2. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Hồ Ngọc B là năm 2006; cụ Nguyễn Thị N là năm 2019

3. Xác định di sản thừa kế chưa chia của cụ Hồ Ngọc B và cụ Nguyễn Thị N là căn nhà 2 tầng và giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất có số hiệu 00018 QSDĐ/3671-2002-01-074, tờ bản đồ 11, số thửa 21, diện tích 102m^2 (diện tích sử dụng thực tế là 75,9m2) tọa lạc tại địa chỉ số 92 đường T, phường T, thành phố H

3.1. Di sản của cụ Hồ Ngọc B là ½ giá trị nhà và ½ giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất có số hiệu 00018 QSDĐ/3671-2002-01-074, tờ bản đồ 11, số thửa 21, diện tích 102m^2 (diện tích sử dụng thực tế là 75,9m^2) tại địa chỉ 92 đường T, phường T, thành phố H, giá trị thành tiền là 1.236.048.100 đồng;

3.2. Di sản của cụ Nguyễn Thị N là ½ giá trị nhà và ½ giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất có số hiệu 00018 QSDĐ/3671-2002-01-074, tờ bản đồ 11, số thửa 21, diện tích 102m^2 (diện tích sử dụng thực tế là 75,9m^2) tại địa chỉ đường T, phường T, thành phố H, giá trị thành tiền là 1.236.048.100 đồng;

3.3. Xác định công sức bảo quản, tôn tạo, sửa chữa di sản của phía ông Hồ Nam Đ tương đương giá trị thành tiền là 148.669.800 đồng

4. Di chúc của cụ Hồ Ngọc B có hiệu lực, nên di sản của cụ B được chia theo di chúc cho người được chỉ định hưởng là ông Hồ Nam Đ.

5. Di chúc của cụ Nguyễn Thị N có hiệu lực, nên di sản của cụ N được chia theo di chúc cho người được chỉ định hưởng là bà Hồ Thị Kim C.

6. Cụ thể phân chia như sau:

- Giao toàn bộ nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất có số hiệu 00018 QSDĐ/3671-2002-01-074, tờ bản đồ 11, số thửa 21, diện tích 102m^2 (diện tích sử dụng thực tế là 75,9m2) tại địa chỉ 92 đường T, phường T, thành phố H cho ông Hồ Nam Đ quản lý, sử dụng;

- Buộc ông Hồ Nam Đ phải thanh toán cho bà Hồ Thị Kim C 1.236.048.100 đồng là giá trị phần di sản của cụ Nguyễn Thị N mà bà C là người được hưởng

Ông Hồ Nam Đ có nghĩa vụ phải đăng ký quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, việc thi hành án, quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 04 tháng 9 năm 2022, nguyên đơn bà Hồ Thị Kim C có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm số 34/2022/DS-DT ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế theo nội dung cụ thể sau:

- Không công nhận Di chúc ngày 24/3/2006 và phân chia di sản của ông Hồ Ngọc B theo quy định pháp luật.

- Giao nhà đất số 92 đường T, phường T, thành phố H cho bà C được quyền quản lý và sử dụng với mục đích để ở và thực hiện các quyền của người sử dụng đất, sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/12/2022, nguyên đơn bà Hồ Thị Kim C có đơn kháng cáo bổ sung đề nghị cấp phúc thẩm không công nhận số tiền sửa nhà của ông Đ là 148.669.800 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: nguyên đơn bà Hồ Thị Kim C vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến:

- Về kiểm sát tuân theo pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn: Hồ Thị Kim C; sửa một phần bản án sơ thẩm về phần án phí, miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho ông Hồ Nam Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, lời trình bày của các đương sự; kết quả tranh tụng; ý kiến của đại diện

Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn Hồ Thị Kim C kháng cáo trong thời hạn luật định, đúng trình tự thủ tục nên Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết theo quy định pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt đã có ủy quyền theo quy định pháp luật, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[*2] Về nội dung:*

2.1. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản của bố mẹ là cụ Hồ Ngọc B và cụ Nguyễn Thị N. Về di sản thừa kế, hàng thừa kế thừa kế thứ nhất, hàng thừa kế thứ hai của cụ B và cụ N các đương sự đều thống nhất không có ý kiến gì.

2.2. Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn Hồ Thị Kim C, Hội đồng xét xử xét thấy:

* *Đối với di chúc của cụ B:* Trước khi chết, cụ B có để lại di chúc chung với cụ N ghi ngày 24/3/2006, được chứng thực tại UBND phường T, thành phố H vào ngày 28/3/2006, phía bị đơn ông Hồ Nam Đ đã giao nộp cho Tòa án bản sao có công chứng di chúc trên. Tại thời điểm chứng thực, cụ B và cụ N có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung di chúc không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, cụ B và cụ N đã tự đọc lại bản di chúc, đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong di chúc và cùng ký tên trước sự có mặt của đại diện UBND phường T .Nội dung di chúc thể hiện cụ B và cụ N giao toàn bộ nhà và đất tại 92 đường T, phường T, thành phố H cho ông Hồ Nam Đ để ở và thờ cúng tổ tiên ông bà, cha mẹ.

Bà C cho rằng di chúc trên không có hiệu lực bởi di chúc không có bản gốc. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Tòa án đã tiến hành lấy lời kh bị đơn ông Hồ Nam Đ và tiến hành xác minh tại UBND phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đối chiếu bản gốc Bản di chúc do ông Hồ Ngọc B và bà Nguyễn Thị N lập ngày 24/3/2006, UBND phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xác nhận:

"Bản chứng thực bản sao đúng với bản chính của di chúc ngày 24/6/2006 chúc của ông Hồ Ngọc B và bà Nguyễn Thị N do ông Hồ Nam Đ phô tô và công chứng từ bản Di chúc mà UBND phường lưu giữ theo số 1753, quyển 1, ngày 24/6/2021; Hiện nay bản gốc Di chúc ngày 24 tháng 3 năm 2006 do ông B, bà N lập thì UBND phường T, thành phố H *đang lưu giữ".*

Đồng thời UBND phường T, thành phố H đã cung cấp cho Tòa án bản sao di chúc có chứng thực của UBND phường số 277, quyển 1 ngày 08/02/2023.

Do đó, chứng cứ mà bị đơn ông Đ giao nộp tại Tòa án cấp sơ thẩm là bản sao di chúc có công chứng đảm bảo các quy định về chứng cứ theo quy định tại các Điều 93, 94, 95 và 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 646, 648, 649, 650, 652, 657, 663, 667, 668 Bộ luật dân sự 2005, xác định đây là di chúc chung của vợ chồng, có hiệu lực từ thời điểm người sau cùng chết, tức là từ ngày cụ N chết là ngày 01/12/2019. Tuy nhiên, ngày 09/6/2018 cụ N có lập bản di chúc thay thế ý chí của mình đối với phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trong khối tài sản chung của cụ với cụ B. Do đó bản di chúc chung ngày 24/3/2006 của cụ B và cụ N chỉ phát sinh hiệu lực pháp luật đối với phần di sản của cụ Hồ Ngọc B là ½ tài sản là nhà và quyền sử dụng đất tại 92 đường T, phường T, thành phố H.

Do di chúc của cụ Bích có hiệu lực, nên di sản của cụ B sẽ được chia theo di chúc, tức giao di sản của cụ B cho người được chỉ định thừa kế trong di chúc là ông Hồ Nam Đ. Bà C ý kiến cho rằng ông Đ có những hành vi không đúng chuẩn mực đạo đức làm con nên không được chia di sản. Xét ý kiến này bà C là không có căn cứ theo Điều 643 Bộ luật dân sự 2005 quy định về trường hợp người không được quyền hưởng di sản. Vì vậy, người được cụ B để lại di sản theo di chúc là ông Đ, là hoàn toàn có có căn cứ pháp luật.

* Về công sức sửa chữa, bảo quản, tôn tạo di sản của ông Đ xét thấy: tại thời điểm ông Đ sửa chữa, tôn tạo nhà thì cụ N còn sống nhưng cụ không có ý kiến gì phản đối. Hơn nữa, đa số các đương sự đều trình bày thực tế phía ông Đ có tôn tạo, sửa nhà và nhất trí trừ bà C. Ngoài ra, để đảm bảo công năng sử dụng nhà cũng như đảm bảo an toàn về nơi ở của những nhân khẩu sinh sống tại đây, trong đó có cụ N, thì việc tôn tạo, sửa chữa nhà của vợ chồng ông Đ là hợp lý. Bản án sơ thẩm đã xem xét công sức tôn tạo, sửa chữa, bảo quản di sản của phía ông Đ, bản án sơ thẩm không chấp nhận mức giá trị 270 triệu đồng ông Đ đưa ra, mà chỉ chấp nhận giá trị tôn tạo, sửa chữa của phía ông Đ theo mức được ghi nhận tại biên bản định giá ngày 02/6/2022 là 30% giá trị nhà, tính thành tiền là 148.669.800 đồng là phù hợp pháp luật.

* Về kháng cáo xin được nhận nhà, đất của nguyên đơn: Thửa đất là di sản tại 92 đường T, phường T, thành phố H. Theo Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 23/05/2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc điều chỉnh một số nội dung của Điều lệ quản lý, xây dựng theo đồ án quy hoạch chi tiết thành phố Huế thì diện tích thửa đất trên không đủ điều kiện để tách thửa. Do vậy, di sản sẽ được chia bằng hiện vật cho một bên, bên còn lại sẽ nhận thừa kế bằng giá trị .

Bà C đề nghị không chia di sản bằng hiện vật cho ông Đ bởi hiện tại ông Đ đang còn phải thi hành phần trách nhiệm dân sự của các bản án khác đã có hiệu lực của Tòa án. Đây không phải là lý do có liên quan trực tiếp đến yêu cầu chia di sản thừa kế; hơn nữa, hiện nay bà C đã có chỗ ở ổn định, ông Đ sống cùng cụ N tại đây từ năm 2006, đã có công sức trông nom, quản lý, sửa chữa, tôn tạo di sản và hiện tại đây là nơi ở duy nhất của gia đình ông Đ; bên cạnh đó, xét thấy nguyện

vọng của đại đa số đồng hàng thừa kế là các con của cụ B, cụ N đều mong muốn thực hiện theo ý nguyện của cụ B là giao ngôi nhà cho phía ông Đ ở, thờ cúng ông bà, tổ tiên.

Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia di sản bằng hiện vật cho ông Đ, phần di sản của cụ N sẽ được chia bằng giá trị và giao cho bà C, buộc ông Đ phải thanh toán giá trị phần di sản của cụ N cho người được chia là bà C, tương ứng giá trị 1.236.048.100 đồng sau khi trừ đi phần giá trị tôn tạo, sửa chữa của phía ông Đ đối với giá trị di sản là nhà của cụ B và cụ N là có cơ sở pháp luật. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Hồ Thị Kim C và giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Trả lại cho bà Hồ Thị Thanh T 1.025.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Bà C phải chịu án phí đối với phần di sản được chia là 1.236.048.100 đồng, nên phải chịu: 36.000.000 đồng + (436.048.100đồng x 3%) = 49.081.443 đồng.

- Ông Hồ Nam Đ phải chịu án phí đối với phần di sản được chia là 1.236.048.100 đồng + 148.669.800 đồng = 1.384.717.900 đồng, nên phải chịu: 36.000.000 đồng + (584.717.900đồng x 3%) = 53.541.537đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, Tại cấp phúc thẩm ông Hồ Nam Đ có đơn xin miễn án phí vì là người cao tuổi, nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Định.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 228, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Hồ Thị Kim Cúc; sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

Áp dụng các Điều 631, 633, 634, 636, 646, 648, 649, 650, 652, 657, 663, 667, 668 Bộ luật dân sự 2005; các Điều 609, 611, 624, 625, 627, 628, 630, 631, 632, 634, 643, 658 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 100, Điều 167 Luật đất đai năm 2013; khoản 7 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hồ Thị Kim C;

2. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Hồ Ngọc B là năm 2006; cụ Nguyễn Thị N năm 2019.

3. Xác định di sản thừa kế của cụ Hồ Ngọc B và cụ Nguyễn Thị N là căn nhà 2 tầng và quyền sử dụng đất tại thửa đất có số hiệu 00018 QSDĐ/3671-2002-01-074, tờ bản đồ 11, số thửa 21, diện tích 75,9m2, tọa lạc tại địa chỉ số 92 đường T, phường T, thành phố H.

4. Di sản của cụ Hồ Ngọc B là ½ nhà, đất, giá trị 1.236.048.100 đồng; Di sản của cụ Nguyễn Thị N là ½ nhà, đất giá trị 1.236.048.100 đồng; trong đó diện tích nhà xây dựng 67,6 m^2, diện tích sàn 136,1 m^2 gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất có số hiệu 00018 QSDĐ/3671-2002-01-074, tờ bản đồ 11, số thửa 21, diện tích 75,9 m^2, tại địa chỉ 92 đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên.

5. Xác định công sức bảo quản, tôn tạo, sửa chữa di sản của ông Hồ Nam Đ tương đương giá trị thành tiền là 148.669.800 đồng.

6. Di chúc của cụ Hồ Ngọc B có hiệu lực, nên di sản của cụ B được chia theo di chúc cho người được chỉ định hưởng là ông Hồ Nam Đ.

7. Di chúc của cụ Nguyễn Thị N có hiệu lực, nên di sản của cụ N được chia theo di chúc cho người được chỉ định hưởng là bà Hồ Thị Kim C.

8. Cụ thể phân chia như sau:

- Giao cho ông Hồ Nam Đ được sở hữu ngôi nhà 02 tấng kết cấu khung bê tông cốt thép, móng bê tông cốt thép, tường gạch, sàn bê tông cốt thép, mái tôn, nền lát gạch, diện tích xây dựng 67,6 m^2, diện tích sàn 136,1 m^2 gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất có số hiệu 00018 QSDĐ/3671-2002-01-074, tờ bản đồ 11, số thửa 21, diện tích 75,9 m^2, tại địa chỉ 92 đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (có bản vẽ kèm theo).

- Buộc ông Hồ Nam Đ phải thanh toán cho bà Hồ Thị Kim C 1.236.048.100 đồng là giá trị phần di sản của cụ Nguyễn Thị Nghĩa mà bà C là người được hưởng

Ông Hồ Nam Đ có nghĩa vụ phải đăng ký quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

9. Về chi phí định giá: Là 6.620.000 đồng, ông Định và bà C mỗi người phải chịu 3.310.000 đồng. Bà C đã nộp đủ. Buộc ông Hồ Nam Đ phải thanh toán cho bà Hồ Thị Kim Cúc 3.310.000 đồng.

10. Về án phí:

Về án phí sơ thẩm:

- Trả lại cho bà Hồ Thị Thanh T 1.025.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2013/004928 ngày 01/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế;

- Bà Hồ Thị Kim C phải chịu 49.081.443 đồng; được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 1.025.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2013/004929 ngày 01/6/2018 và 5.000.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2016/0002366 ngày 24/3/2021 của Chi

cục thi hành án dân sự thành phố Huế; bà Hồ Thị Kim C còn phải nộp thêm 43.056.443 đồng án phí sơ thẩm;

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hồ Nam Đ.

Về án phí phúc thẩm:

Buộc bà Hồ Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào các biên lai thu tiền số: AA/2021/0004481, ngày 26/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản lãi, theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

11. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- TAND thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Hồng Vân